

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 1059/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục tài sản (máy vi tính)
thực hiện mua sắm tập trung cấp tỉnh đợt 1 năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/2/2016 hướng dẫn việc mua sắm tài sản theo phương thức tập trung, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 47/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về ưu tiên đầu tư, mua sắm sản phẩm dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh, Quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 8/11/2016 về việc giao nhiệm vụ đơn vị thực hiện mua sắm tài sản tập trung cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 539/STC-QLCSGC ngày 17/02/2017, Công văn số 1311/STC-QLCSGC ngày 05/4/2017 về việc phê duyệt danh mục tài sản thực hiện mua sắm tập trung cấp tỉnh do Sở Tài chính thực hiện theo Quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục tài sản (máy vi tính) thực hiện mua sắm tập trung cấp tỉnh đợt 1 năm 2017, cụ thể như sau:

- Số lượng máy vi tính mua sắm tập trung đợt này: 788 bộ, chiếc (Bảy trăm tám mươi tám bộ, chiếc).

Trong đó: Máy vi tính để bàn: 692 bộ, máy tính xách tay: 96 chiếc.

- Tổng dự toán mua sắm: 10.244.000.000 đồng (Mười tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

- Nguồn vốn mua sắm: Từ nguồn được cơ quan có thẩm quyền giao trong dự toán ngân sách năm 2017 của cơ quan, tổ chức, đơn vị

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Tài chính thực hiện bước tiếp theo của quy trình mua sắm tập trung cấp tỉnh theo quy định đối với tài sản được phê duyệt danh mục tại Điều 1 Quyết định này.

- Đối với những đơn vị có nhu cầu mua sắm máy vi tính chưa được phê duyệt đợt này, giao Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu mua sắm trình phê duyệt đợt 2 vào Quý III năm 2017; đối với những đơn vị có máy vi tính bị hư hỏng nhỏ, giao đơn vị thực hiện sửa chữa theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong danh mục tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

Phụ lục
TỔNG HỢP NHU CẦU MÁY VI TÍNH MUA SẴM TẬP TRUNG CẤP TỈNH ĐỢT I NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 4059/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT (1)	Tên tài sản (2)	Đơn vị tính (3)	Số lượng (4)	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc) (5)	Dự toán dự kiến (đồng) (6)	Nguồn vốn mua sắm (7)	Phương thức thanh toán (8)	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản (9)	Ghi chú (10)
	TỔNG CỘNG		788		10.244.000.000				
A	Máy vi tính để bàn		692		8.996.000.000				
1	Các sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc								
1	Văn phòng UBND tỉnh								
	Máy vi tính	Bộ	5	13.000.000	65.000.000	Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	Một lần; chuyển khoản	Tháng 4/2017: Tại VP UBND tỉnh	Đơn giá máy vi tính để bàn và máy tính xách tay dự kiến theo mức giá tối đa tại QĐ số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ
2	BCN Đoàn TN tỉnh Thanh Hóa								
	Máy tính	Bộ	20	13.000.000	260.000.000	Ngân sách nhà nước	Chuyển khoản một lần		
3	Sở Giáo dục và Đào tạo								
	Máy vi tính để bàn làm việc	Bộ	10	13.000.000	130.000.000	Ngân sách nhà nước	Chuyển khoản	Tháng 4/2017: Địa điểm: Tại Sở GD&ĐT, số 02 Hà Văn Mao, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa	
4	Sở Nội vụ								
4.1	Văn phòng Sở Nội vụ								
	Máy vi tính để bàn (có lưu điện)	Bộ	10	13.000.000	130.000.000	Ngân sách nhà nước	Một lần, chuyển khoản	Tháng 4/2017 tại Sở Nội vụ	
4.2	Chi cục Văn thư Lưu trữ								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	6	13.000.000	78.000.000	Ngân sách nhà nước	Một lần, chuyển khoản	Tháng 3/2017. tại Chi cục Văn thư lưu trữ	
4.3	Ban Thi đua Khen thưởng								
	Máy tính để bàn	Bộ	5	13.000.000	65.000.000	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	CK	Từ tháng 2 đến tháng 8/2017 tại Ban TĐKT	
5	Trường Cao đẳng Y tế								
	Máy tính để bàn	Bộ	50	13.000.000	650.000.000	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác	Một lần, chuyển khoản	Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2017: Địa điểm giao nhận: Trường CĐ Y Thanh Hóa	
6	Sở Y tế								
6.1	Văn phòng Sở Y tế								
6.2	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	4	13.000.000	52.000.000	Dự toán chi thường xuyên			
6.3	TT phòng chống sốt rét - ký sinh trùng - côn trùng								
	Máy vi tính	Bộ	6	13.000.000	78.000.000	Dự toán chi thường xuyên	Chuyển khoản, 1 lần	2 ngày sau khi ký hợp đồng, tại TT	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
6.4	Bệnh viện Phổi								
	Máy vi tính	Bộ	30	13.000.000	390.000.000	Nguồn thu sự nghiệp của bệnh viện	Nhiều lần thanh toán và chuyển khoản	Các quý trong năm; tại Bệnh viện Phổi	
6.5	Bệnh viện Phụ sản								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	30	13.000.000	390.000.000	Thu phí, lệ phí	Chuyển khoản	Tháng 2 đến tháng 4, tại Bệnh viện Phụ sản TH	
6.6	Bệnh viện ĐK thành phố TH								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	20	13.000.000	260.000.000	Thu phí, lệ phí	Nhiều lần - tiền mặt hoặc chuyển khoản	BVĐK thành phố TH	
6.7	TT YT huyện Yên Định								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	5	13.000.000	65.000.000	Ngân sách Nhà nước	Tiền mặt	Quý 1 và Quý 4 năm 2017	
6.8	BVĐK Triệu Sơn								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	20	13.000.000	260.000.000	Dự toán ngân sách cấp và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị năm 2017			
6.9	BVĐK Thọ Xuân								
	Máy vi tính	Bộ	15	13.000.000	195.000.000	Kinh phí đơn vị	Chuyển khoản		
6.10	BVĐK tỉnh								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	20	13.000.000	260.000.000	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị	Thanh toán 1 lần, chuyển khoản; HĐ trọn gói	Dự kiến giao nhận hàng tháng 5/2017 và tháng 10/2017, tại BVĐK tỉnh	
6.11	TTYT Như Xuân								
6.12	BVĐK Như Thanh								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	5	13.000.000	65.000.000	Nguồn thu sự nghiệp y tế 2017	Chuyển khoản 1 lần	QUY 11/2017	
7	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn								
7.1	VP Sở NN&PTNT								
7.2	Vườn Quốc gia Bến En								
	Máy vi tính	Bộ	4	13.000.000	52.000.000	Ngân sách dự toán cấp 2017	Một lần		
7.3	Chi cục Đê điều và PCLB								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	Ngân sách nhà nước giao năm 2017 (Chi quản lý hành chính)	Chuyển khoản	Quý 1/2017, tại Chi cục Đê điều & PCLB	
7.4	Ban QL RPH Như Xuân								
	Máy vi tính để bàn	Bộ	3	13.000.000	39.000.000	Nguồn thường xuyên	Chuyển khoản	Tại Ban QL RPH Như Xuân	
7.5	Ban Quản lý dự án FCPF								

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	Thông báo số 01/TB-STC ngày 03/01/2017 và QĐ số 33/QĐ-SNN&PTNT ngày 13/01/2017	Chuyển khoản	Tháng 2/2017 tại Sở Tài chính	
8.1	Sở Giao thông vận tải VP Sở Giao thông vận tải								
8.2	Máy vi tính để bàn	Bộ	12	13.000.000	156.000.000	Quản lý dự án và ngân sách cấp (kính phí giao tự chủ)	Chuyển khoản	Quý II+III+IV/2017, tại cơ quan Sở 42 Đại lộ Lê Lợi, TP Thanh Hóa	
8.3	Máy vi tính để bàn	Bộ	3	13.000.000	39.000.000	Ngân sách nhà nước	Chuyển khoản	Quý II/2017; phố 1, phường Quảng Hưng, TPTH	
8.4	Máy vi tính để bàn	Bộ	20	13.000.000	260.000.000	Nguồn quỹ phát triển hoạt động của đơn vị	Chuyển khoản	Tại TT đăng kiểm xe cơ giới	
9	Máy vi tính để bàn	Bộ	20	13.000.000	260.000.000	Nguồn chi Quản lý dự án	Chuyển khoản	Quý I/2017	
9.1	Sở Tài nguyên và môi trường VP Sở TN&MT								
9.2	Máy vi tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	Nguồn hành chính sự nghiệp, sự nghiệp kinh tế; sự nghiệp môi trường; phí, lệ phí	Tiền mặt hoặc chuyển khoản	Quý II/2017	
10	Quỹ bảo vệ môi trường								
10.1	Sở Công thương								
10.2	VP Sở Công thương								
11	Chi cục Quản lý thị trường								
11.1	Máy vi tính	Bộ	26	13.000.000	338.000.000	Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động kiểm tra xử phạt VPHC năm 2017	Chuyển khoản	Chi cục QLTT	
11.2	Sở Lao động thương binh và xã hội								
12	Máy vi tính	Bộ	3	13.000.000	39.000.000	Nguồn kinh phí không thường xuyên được giao trong năm 2017	Chuyển khoản	Tháng 4/2017; Địa điểm: Tại Trung tâm bảo trợ xã hội số 2, Quảng Thọ, thị xã Sầm Sơn, Thanh Hóa	
13	MTTQ và đoàn thể								
14	Ủy ban MTTQ tỉnh								
15	Máy tính để bàn	Bộ	10	13.000.000	130.000.000	NSNN	Chuyển khoản	Tháng 2/2017 tại UB MTTQ tỉnh	

1001

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2	Hội LHPN tỉnh								
	Máy tính để bàn	Bộ	11	13.000.000	143.000.000	NSNN	Chuyển khoản	Tháng 2/2017 tại Hội LHPN tỉnh	
3	Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa								
	Máy tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000		Chuyển khoản	Tháng 3/2017 tại Hội Luật gia tỉnh	
4	Liên minh HTX tỉnh								
	Máy tính	Bộ	10	13.000.000	130.000.000	NSNN	Chuyển khoản		
III	UBND các huyện, thị xã, thành phố								
1	UBND huyện Tĩnh Gia								
	KHÔI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP HUYỆN								
1.1	VP HĐND - UBND huyện								
	Máy vi tính để bàn	bộ	7	13.000.000	91.000.000	Thường xuyên	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	bao gồm lưu điện
1.2	Phòng GD và ĐT								
	Máy vi tính để bàn	bộ	6	13.000.000	78.000.000	Thường xuyên	Chuyển khoản	Tháng 5/2017	bao gồm lưu điện
1.3	Đội Kiểm tra quy tắc xây dựng								
	Máy tính để bàn	bộ	1	13.000.000	13.000.000	Thường xuyên	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	bao gồm lưu điện
	KHÔI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP XÃ								
1.1	Hải Thượng								
	Máy tính để bàn	bộ	2	13.000.000	26.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản		bao gồm lưu điện
1.2	Hải Hà								
	Máy tính để bàn	bộ	3	13.000.000	39.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	bao gồm lưu điện
1.3	Trường Lâm								
	Máy tính để bàn	bộ	2	13.000.000	26.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Quý I/2017	bao gồm lưu điện
1.4	Nguyễn Bình								
	Máy tính để bàn	bộ	2	13.000.000	26.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Quý I/2017	bao gồm lưu điện
1.5	Hải Thanh								
	Máy tính để bàn	bộ	3	13.000.000	39.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	bao gồm lưu điện
1.6	Hải Nhân								
	Máy tính để bàn	bộ	1	13.000.000	13.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	bao gồm lưu điện
1.7	Hải An								
	Máy tính để bàn	bộ	4	13.000.000	52.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	bao gồm lưu điện
1.8	Hải Bình								

22/11/17

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.9	Máy tính để bàn	bộ	4	13.000.000	52.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 2/2017	bao gồm lưu điện
1.10	Máy tính để bàn	bộ	5	13.000.000	65.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Quý II/2017	bao gồm lưu điện
1.11	Máy tính để bàn	bộ	3	13.000.000	39.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 2/2017	bao gồm lưu điện
1.12	Máy tính để bàn	bộ	1	13.000.000	13.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 2/2017	bao gồm lưu điện
1.13	Máy tính để bàn	bộ	1	13.000.000	13.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	bao gồm lưu điện
2	Máy tính để bàn	bộ	3	13.000.000	39.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 2/2017	bao gồm lưu điện
2.1	UBND huyện Hà Trung								
2.2	UBND xã Hà Tiến								
2.3	Cây máy vi tính để bàn	Bộ	4	13.000.000	52.000.000	Cấp quyền SD đất	Chuyển khoản	Quý I/2017- UBND xã Hà Tiến	
2.4	Máy vi tính để bàn	Bộ	6	13.000.000	78.000.000	Cấp quyền SD đất	Chuyển khoản	Quý I/2017- UBND xã Hà Tiến	
2.5	UBND xã Hà Phong								
2.6	Máy tính bàn(Màn hình, CPU, bàn phím, chuột)	Bộ	3	13.000.000	39.000.000	NS xã	Chuyển khoản	UBND xã Hà Phong	
3	UBND thị xã Bỉm Sơn								
3.1	Cơ quan UBND thị xã Bỉm Sơn								
3.2	Máy vi tính để bàn	Bộ	10	13.000.000	130.000.000	CNTT	Chuyển khoản	VP UBND thị xã Bỉm Sơn	
3.3	UBND phường Lam Sơn								
3.4	Máy vi tính để bàn	Bộ	6	13.000.000	78.000.000	NS phường	Chuyển khoản	UBND phường Lam Sơn	
3.5	UBND xã Quang Trung (bổ sung)								
3.6	Máy vi tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	NS xã	Chuyển khoản	UBND xã Quang Trung	
4	UBND huyện Cẩm Thủy								
4.1	TH thị trấn								
4.2	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.3	TH Cẩm Bình 1								
4.4	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.5	UBND xã Cẩm Bình								
4.6	Máy tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.7	UBND xã Cẩm Lương								
4.8	Máy tính để bàn	Bộ	4	13.000.000	52.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.9	UBND xã Cẩm Tân								
4.10	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	

2/2/2017

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4.6	UBND xã Cẩm Liên Máy tính để bàn	Bộ	6	13.000.000	78.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.7	UBND xã Cẩm Vân Máy tính để bàn	Bộ	4	13.000.000	52.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.8	UBND xã Cẩm Quý Máy tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.9	UBND xã Cẩm Phúi Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.10	UBND xã Cẩm Tú Máy tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.11	UBND xã Cẩm Phong Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.12	VP UBND huyện Máy tính để bàn	Bộ	10	13.000.000	130.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.13	Huyện ủy Máy tính để bàn	Bộ	5	13.000.000	65.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
5	UBND Thường Xuân								
5.1	TT VH-TDĐT huyện Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 2/2017	
5.2	UBND xã Ngọc Phụng Máy tính để bàn	Bộ	6	13.000.000	78.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 2/2017	
5.3	Tiểu học Thị trấn Thường Xuân Máy tính để bàn	Bộ	3	13.000.000	39.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 3/2017	
5.4	Trường MN Xuân Chinh Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 3/2017	
5.5	Trung tâm GDTX Máy tính để bàn	Bộ	5	13.000.000	65.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK		
5.6	Trường MN Xuân Thắng Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK		
5.7	Trường TH Luận Khê 2 Máy tính để bàn	Bộ	5	13.000.000	65.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 02/2017	
5.8	Trường TH Tân Thành 1 Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 02/2017	
5.9	Trường TH xã Xuân Cẩm Máy tính để bàn	Bộ	3	13.000.000	39.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 4/2017	
5.10	Trường Tiểu học Bát Mọt 1 Máy tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 2/2017	
5.11	Trường PTDT BT THCS Bát Mọt Máy tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 2/2017	
5.12	Trường THCS xã Xuân Cẩm Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 4/2017	
5.13	Trường TH Ngọc Phụng 2 Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 04/2017	
6	UBND huyện Hoằng Hóa KHÔI XÃ, THỊ TRẤN								
6.1	Hoằng Kim								

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
6.2	Máy vi tính cây <i>Hoàng Hải</i>	bộ	5	13.000.000	65.000.000	Từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 6/2017 tại UBND xã	
6.3	Máy vi tính cây <i>Hoàng Đạo</i>	bộ	2	13.000.000	26.000.000	Từ nguồn đầu giá sử dụng đất ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 2/2017 tại UBND xã	
6.4	máy tính cây <i>Hoàng Hợp</i>	bộ	2	13.000.000	26.000.000	ng nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	T4/2017 tại UBND xã	
6.5	máy tính cây <i>Hoàng Cát</i>	bộ	1	13.000.000	13.000.000	từ nguồn SDD ngân sách xã	Chuyển khoản	T4/2017 tại UBND xã	
6.6	máy tính cây <i>Hoàng Thắng</i>	bộ	3	13.000.000	39.000.000	từ nguồn SDD ngân sách xã	Chuyển khoản	T5/2017 tại UBND xã	
6.7	máy tính cây <i>Hoàng Đạt</i>	bộ	4	13.000.000	52.000.000	từ nguồn SDD ngân sách xã	Chuyển khoản	T6/2017 tại UBND xã	
6.8	máy tính cây <i>Hoàng Trình</i>	bộ	5	13.000.000	65.000.000	từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	Từ Tháng 2 đến tháng 11/2017 tại UBND xã	
6.9	Máy vi tính cây đồng bộ dell <i>Hoàng Phong</i>	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	tháng 3/2017 tại UBND xã	
	Máy tính KHÔI HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP <i>Huyện ủy</i>	bộ	6	13.000.000	78.000.000	từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	tháng 4/2017 tại UBND xã	
7	Máy tính bàn UBND huyện Đông Sơn	bộ	1	13.000.000	13.000.000	Từ nguồn nghiệp vụ NS huyện giao	Chuyển khoản	Tháng 3/2017 tại huyện ủy	
7.1	<i>Trung tâm VH TT-TDTT</i>	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	NS	Chuyển khoản	Quý I năm 2017 tại Trung tâm VH TT-TDTT	
7.2	<i>Trạm khuyến nông</i>	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NS	Chuyển khoản	Tháng 5/2017 tại Trạm khuyến nông	
7.3	<i>Xã Đông Phú</i>	Bộ	3	13.000.000	39.000.000	NS	Chuyển khoản	Năm 2017	
8	UBND huyện Vĩnh Lộc								
8.1	<i>Mâm nọn Vĩnh Thành</i>	Bộ	5	13.000.000	65.000.000	NSNN	Chuyển khoản	Quý I/2017	
8.2	<i>Tiểu học Vĩnh Phúc</i>	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	NSNN	Chuyển khoản	Quý I/2017	
8.3	<i>Tiểu học Vĩnh Minh</i>	Bộ	6	13.000.000	78.000.000	NSNN	Chuyển khoản	Quý I/2017	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8.4	THCS Vĩnh Tân	Bộ	5	13.000.000	65.000.000	NSNN	Chuyển khoản	Quý I/2017	
8.5	Trường THCS Phạm Văn Hùng	Bộ	10	13.000.000	130.000.000	NSNN	Chuyển khoản	Quý I/2017	
8.6	Trường THCS Vĩnh Thịnh	Bộ	15	13.000.000	195.000.000	NSNN	Chuyển khoản	Quý I/2017	
9	UBND huyện Yên Định								
10	UBND thị xã Sầm Sơn								
10.1	Khối các cơ quan cấp huyện	Bộ	1	13.000.000	13.000.000				
10.2	Khối các xã, phường	Bộ	1	13.000.000	13.000.000				
10.3	Khối các trường học	Bộ	6	13.000.000	78.000.000				
11	UBND huyện Như Xuân								
11.1	UBND xã Thanh Sơn								
	Máy tính để bàn	Bộ	2	13.000.000	26.000.000				
11.2	UBND xã Thanh Xuân								
	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000				
12	UBND huyện Như Thanh								
12.1	TH Mậu Lâm 1								
	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	
12.2	THCS Mậu Lâm								
	Máy tính để bàn	Bộ	21	13.000.000	273.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 5/2017	
12.3	THCS Yên Lạc								
	Máy tính để bàn	Bộ	18	13.000.000	234.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 8/2017	
12.4	THCS Thanh Kỳ								
	Máy tính để bàn	Bộ	15	13.000.000	195.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 8/2017	
12.5	UBND xã Yên Thọ								
	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NS xã	Chuyển khoản	Quý 3/2017	
12.6	UBND xã Thanh Tân								
	Máy tính để bàn	Bộ	3	13.000.000	39.000.000	NS xã	Chuyển khoản	Tháng 4/2017	
12.7	UBND xã Xuân Phúc								
	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NS xã	Chuyển khoản	Tháng 7/2017	
12.8	UBND xã Mậu Lâm								
	Máy tính để bàn	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	NS xã	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	

thk

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
B	Máy tính xách tay		96		1.248.000.000				
I	Các Sở, ban ngành và đơn vị trực thuộc								
1	Sở Y tế								
1.1	Bệnh viện phụ sản								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	5	13.000.000	65.000.000	Thu phí, lệ phí	Chuyển khoản	Tháng 2 đến tháng 4, tại Bệnh viện Phụ sản TH	
1.2	Bệnh viện ĐK thành phố TH								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Thu phí, lệ phí	Một lần - tiền mặt hoặc chuyển khoản	BVĐK thành phố TH	
1.3	BVĐK Thọ Xuân								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Kinh phí đơn vị	Chuyển khoản		
1.4	TTYT Như Xuân								
	Máy tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Ngân sách nhà nước	Chuyển khoản	Năm 2017 tại TTYT Như Xuân	
2	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn								
2.1	Vườn Quốc gia Bến En								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	2	13.000.000	26.000.000	Ngân sách cấp 2017	Một lần	42738	
2.2	Chi cục Đê điều và PCLB								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Chi sự nghiệp kinh tế (Kinh tế phòng chống lụt bão)	Chuyển khoản	Quý I/2017, tại Chi cục Đê điều & PCLB	
3	Sở Giao thông vận tải								
3.1	Thanh tra Sở Giao thông vận tải								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	2	13.000.000	26.000.000	Ngân sách Nhà nước cấp	Chuyển khoản	Quý II/2017, Phố I, Phường Quảng Hưng	
3.2	TT đăng kiểm xe cơ giới								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	3	13.000.000	39.000.000	Nguồn quỹ phát triển hoạt động của đơn vị	Chuyển khoản	Tại TT đăng kiểm xe cơ giới	
4	Sở Tài nguyên và môi trường								
4.1	Quỹ bảo vệ môi trường (Sở TNMT)								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Nguồn thu sự nghiệp	Chuyển khoản	Quý I/2017	
II	UBND huyện, thị, thành phố								
1	UBND huyện Tĩnh Gia								

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	KHÔI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP XÃ								
1.1	Bình Minh								
	Máy tính xách tay	Chiếc	2	13.000.000	26.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản		
1.2	Hải Ninh								
	Máy tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	
1.3	Hải Ninh								
	Máy tính xách tay	Chiếc	3	13.000.000	39.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 4/2017	
1.4	Tân Dân								
	Máy tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 2/2017	
2	UBND thị xã Bim Sơn								
2.1	Cơ quan UBND thị xã Bim Sơn								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	CNTT	Chuyển khoản	VP UBND thị xã Bim Sơn	
2.2	Trường tiểu học Lam Sơn 1								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS	Chuyển khoản	Trường Tiểu học Lam Sơn 1	
2.3	Trường tiểu học Lam Sơn 3								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS	Chuyển khoản	Trường Tiểu học Lam Sơn 3	
3	UBND huyện Cẩm Thủy								
3.1	Tiểu học Cẩm Phú								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
3.2	MN Cẩm Liên								
	Máy vi tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
3.3	MN Cẩm Thạch								
	Máy tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
3.4	TH thị trấn								
	Máy tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
3.5	THCS Cẩm Lương								
	Máy tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
3.6	MN Cẩm Sơn								
	Máy tính xách tay	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
3.7	MN Cẩm Tân								
	Máy tính xách tay	Chiếc	3	13.000.000	39.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
3.8	MN Cẩm Phong								

Handwritten signature

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3.9	Máy tính xách tay <i>UBND xã Cẩm Thành</i>	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
3.10	Máy tính xách tay <i>UBND thị trấn Cẩm Thủy</i>	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4	Máy tính xách tay <i>UBND huyện Thường Xuân</i>	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NSNN	CK	Tại đơn vị	
4.1	Máy tính xách tay <i>Trường Tiểu học Bát Mọt 1</i>	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 2/2017	
4.2	Máy tính xách tay <i>Trường PTDT BT THCS Bát Mọt</i>	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Dự toán NS hàng năm	CK	Tháng 2/2017	
4.3	Máy tính xách tay <i>Trường THCS xã Xuân Cẩm</i>								
4.4	Máy tính xách tay <i>Trường TH Ngọc Phụng 2</i>								
5	Máy tính xách tay <i>UBND huyện Hoằng Hóa</i>								
5.1	Máy tính xách tay <i>Hoằng Ngọc</i>	chiếc	2	13.000.000	26.000.000	Từ nguồn đầu giá sử dụng đất NS xã	Chuyển khoản	Tháng 5/2017 tại UBND xã	
5.2	Máy tính xách tay <i>Hoằng Giang</i>	chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	30/06/2017 tại UBND xã	
5.3	Máy tính xách tay <i>Hoằng Minh</i>	chiếc	1	13.000.000	13.000.000	Từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	30/06/2017 tại UBND xã	
5.4	Máy tính xách tay <i>Hoằng Hải</i>	chiếc	3	13.000.000	39.000.000	Từ nguồn đầu giá sử dụng đất ngân sách xã	Chuyển khoản	quý 1/2017, UBND xã	
5.5	Máy tính xách tay <i>Hoằng Đạo</i>	chiếc	4	13.000.000	52.000.000	Từ nguồn đầu giá sử dụng đất ngân sách xã	Chuyển khoản	Tháng 2/2017 tại UBND xã	
5.6	Máy tính xách tay <i>Hoằng Hợp</i>	chiếc	2	13.000.000	26.000.000	ng nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	T4/2017 tại UBND xã	
5.7	Máy tính xách tay <i>Hoằng Cát</i>	chiếc	1	13.000.000	13.000.000	từ nguồn SDD ngân sách xã	Chuyển khoản	T4/2017 tại UBND xã	
5.8	Máy tính xách tay <i>Hoằng Thắng</i>	chiếc	1	13.000.000	13.000.000	từ nguồn SDD ngân sách xã	Chuyển khoản	T5/2017 tại UBND xã	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
5.9	Máy tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000	từ nguồn SDD ngân sách xã	Chuyển khoản	T6/2017 tại UBND xã	
	<i>Hoàng Quý</i>								
5.10	Máy tính xách tay	chiếc	3	13.000.000	39.000.000	từ nguồn SDD ngân sách xã	Chuyển khoản	T2/2017 tại UBND xã	
	<i>Hoàng Đồng</i>								
5.11	Máy tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000	từ nguồn SDD ngân sách xã	Chuyển khoản	T6/2017 tại UBND xã	
	<i>Hoàng Đạt</i>								
5.12	Máy tính xách tay	chiếc	3	13.000.000	39.000.000	từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	Từ Tháng 2 đến tháng 11/2017 tại UBND xã	
	<i>Hoàng Khánh</i>								
5.13	Máy tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000	từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	T7/2017 tại UBND xã	
	<i>Hoàng Hà</i>								
5.14	Máy laptop	chiếc	2	13.000.000	26.000.000	từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	tháng 10/2017 tại UBND xã	
	<i>Hoàng Trinh</i>								
	Máy vi tính xách tay dell	chiếc	1	13.000.000	13.000.000	từ nguồn chi nghiệp vụ ngân sách xã	Chuyển khoản	tháng 3/2017 tại UBND xã	
	KHÔI GIÁO DỤC					KP chi nghiệp vụ trong dự toán huyện giao			
5.15	MN Hoàng Vinh								
	Máy vi tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	06/2017, tại trường	
5.16	MN Hoàng Trạch								
	Máy vi tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	06/2017, tại trường	
5.17	TH Hoàng Lương								
	Máy vi tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	06/2017, tại trường	
5.18	TH Hoàng Xuyên								
	Máy vi tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.19	TH Hoàng Đồng								
	Máy vi tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.20	TH Hoàng Vinh								
	Máy vi tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.21	TH Hoàng Thụ								
	Máy vi tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.22	TH Hoàng Đạo								
	Máy vi tính xách tay	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	

166

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến (đồng/chiếc)	Dự toán dự kiến (đồng)	Nguồn vốn mua sắm	Phương thức thanh toán	Dự kiến thời gian, địa điểm giao nhận tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
5.23	TH Hoàng Yến	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.24	TH Lê Tấn Đức - TTBS	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.25	THCS Hoàng Trinh	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.26	THCS Hoàng Lương	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.27	THCS Hoàng Xuyên	chiếc	1	13.000.000	13.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.28	THCS Hoàng Hà	chiếc	2	13.000.000	26.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
5.29	THCS Hoàng Trường	chiếc	2	13.000.000	26.000.000		Chuyển khoản	Tháng 06/2017, tại trường	
6	UBND huyện Như Xuân								
6.1	Trường THCS Thanh Lâm	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000				
7	UBND huyện Như Thanh								
7.1	MN Thanh Tân	Chiếc	2	13.000.000	26.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 4/2017	
7.2	MN Thanh Kỳ	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 4/2017	
7.3	THCS Thanh Kỳ	Chiếc	2	13.000.000	26.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 8/2017	
7.4	THCS Hải Long	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 4/2017	
7.5	TH&THCS Phúc Đường	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 7/2017	
7.6	UBND xã Yên Thọ	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NS xã	Chuyển khoản	Quý 3/2017	
7.7	UBND xã Xuân Phúc	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NS xã	Chuyển khoản	Tháng 7/2017	
7.8	Trạm khuyến nông	Chiếc	1	13.000.000	13.000.000	NS huyện	Chuyển khoản	Tháng 3/2017	

thb